

PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHỈ SỐ LẠM PHÁT CƠ BẢN CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA

(Tiếp theo kỳ số 11)

ThS. Nguyễn Hồng Thắng*

2. TRƯỜNG HỢP CỦA MỸ

Phép đo lạm phát loại trừ giá lương thực và năng lượng có lẽ là phép đo lạm phát cơ bản phổ biến nhất. Thực tế, các phép đo loại trừ lương thực và năng lượng cái mà các cơ quan thống kê của Chính phủ đề cập bao gồm: CPI (Consumer Price Index), PPI (Producer Price Index) và PCE (Personal Consumption Expenditures) thường được đề cập đến như thể chúng đồng nghĩa với lạm phát cơ bản. Nói đúng ra, chúng đại diện cho chỉ một trong nhiều phép đo lạm phát cơ bản tiềm năng. Để chắc chắn hơn, vì sự biến động mạnh trong ngân hạn của một số loại giá hàng lương thực và năng lượng, có cơ sở lý luận cho việc loại trừ những giá này khỏi phép đo lạm phát cơ bản.

● *Lương thực và năng lượng: tín hiệu hay nhiễu (Food and Energy: Signal or Noise?)*.

Xem xét số liệu sau từ tháng 3/2005. Hơn 200 khoản mục chi tiêu được tính trong PCE. Bảng 1 biểu diễn 10 khoản mục với sự tăng giá lớn nhất từ tháng 2 tới tháng 3/2005. Lưu ý rằng sự thay đổi giá kiểu này không phải theo năm, chúng là những thay đổi %/tháng. Qua so sánh thì thấy sự thay đổi trong chỉ số giá PCE tổng thể từ tháng 2-> 3/2005 là + 0.46%.

Bảng 2 trình bày 10 khoản mục có sự giảm giá lớn nhất trong tháng 3/2005. Trong khi

các mặt hàng lương thực và năng lượng xuất hiện nhiều lần trong cả hai danh sách thì cũng có cả các mặt hàng khác nữa. Thêm vào đó, không phải tất cả các mặt hàng lương thực và năng lượng cùng có sự thay đổi giá lớn. Có một vài mặt hàng lương thực nói riêng- như lương thực được tiêu dùng bên ngoài lại rất ổn định. Ví dụ: Chỉ số giá cho những bữa ăn được mua khác ("other purchased meals"), bao gồm các bữa ăn tại nhà hàng và quán bar, chỉ tăng 0.15% trong tháng 3. Sự biến động giá nhỏ đó là điển hình đối với những hàng hóa được mua và ăn ở bên ngoài khiến việc loại nó khi tính lạm phát cơ bản phải được xem xét lại. Rõ ràng rằng trong một tháng bất kỳ, việc loại chỉ những mặt hàng lương thực và năng lượng vẫn để lại những thành phần rất thiếu ổn định trong chỉ số giá. Và, việc loại tất cả các mặt hàng lương thực và năng lượng thực sự đã loại cả những mặt hàng có giá cả ổn định.

● *Kỹ thuật bình quân thu gọn một ít khởi đầu và một ít khởi cuối (loại bỏ các hàng hóa biến động nhiều cao nhất và thấp nhất)*.

Bằng cách nào để chúng ta quyết định loại hay bao gồm mặt hàng nào một cách chặt chẽ hơn? Trong một nghiên cứu tập trung vào CPI và PPI, Cecchetti và Wiggins tạo tình huống thống kê cho việc sử dụng bình quân thu gọn làm phương pháp ước lượng lạm phát cơ bản. Dù mang cái tên nghe rất bí quyết như vậy, khái niệm về bình quân thu gọn lại hết sức đơn giản. Trong một tháng nhất định bất kỳ, tỷ lệ lạm phát trong chỉ số giá như CPI và PCE có thể được xem xét như bình quân gia quyền của tỷ lệ thay đổi giá cả của tất cả các hàng hóa và dịch vụ hình thành nên chỉ số. Việc tính tỷ lệ lạm phát PCE bình quân thu gọn gồm việc xem xét những thay đổi giá đối với mỗi thành phần riêng lẻ của chi tiêu tiêu dùng cá nhân dữ liệu có tại bảng 1 và bảng 2. Những thay đổi giá riêng lẻ được

Bảng 1: 10 sự tăng giá lớn nhất tháng 3/2005 Nhóm mặt hàng. Thay đổi so với tháng trước (%)

Xăng, nhiên liệu ô tô khác	8.0
Xăng, nhiên liệu được mua	5.8
Dịch vụ hàng không	4.2
Khách sạn và nhà nghỉ	4.2
Dịch vụ y tế; phòng thí nghiệm	3.2
Nhiên liệu nông trang	2.5
Ga hóa lỏng được mua	2.4
Dịch vụ cá nhân hỗn hợp	2.4
Dịch vụ sửa chữa kim hoàn, đồng hồ	2.4

Dịch vụ sửa chữa, giặt là, giặt quần áo - 2.4

Bảng 2: 10 sự giảm giá lớn nhất tháng 3/2005. Nhóm mặt hàng. Thay đổi so với tháng trước (%)

Trứng	- 4.4
Hoa quả tươi	- 2.
Hành lý của nữ	- 1.8
Hành lý của nam	- 1.8
Cổ gọi điện nội vùng	- 1.8
Thiết bị ảnh	- 1.8
Trò chơi, búp bê và đồ chơi	- 1.7
Gia tự nhiên	- 1.7
Vật gia dụng lưu bên: vải dệt	- 1.5
Ảnh sáng	- 1.5

Nguồn: Ban phân tích kinh tế

Học viện Ngân hàng ()*

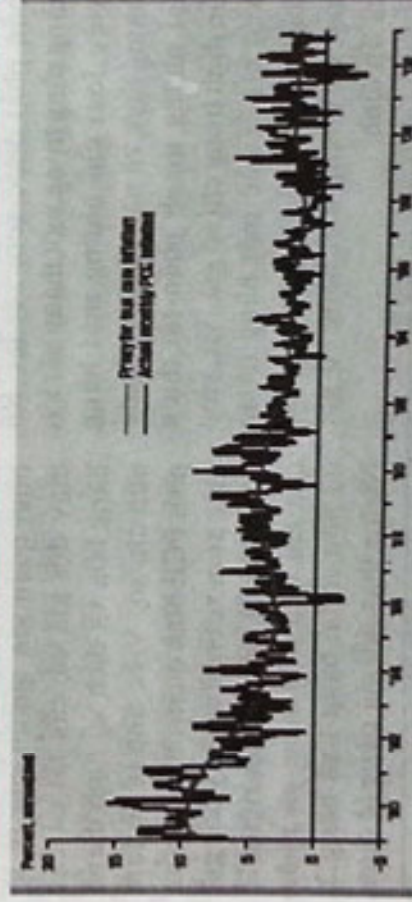
sắp xếp theo thứ tự tăng dần từ giảm mạnh nhất đến tăng mạnh nhất, và những thành phần nhất định ở hai cực đó sẽ được loại bỏ. Tỷ lệ lạm phát được tính bằng bình quân gia quyền của các thành phần còn lại.

Những mặt hàng nào nên được loại ra căn cứ vào sự phân bố thay đổi giá hàng tháng? Bởi vì mục đích của chúng ta là tạo ra một thước đo lạm phát cơ bản chính xác hơn, chúng ta muốn sự loại bỏ của chúng ta mang lại một phép đo tiếp cận gần đến mức có thể đối với lạm phát cơ bản chúng ta quan sát được trong các số liệu lịch sử. Sau tiếp cận được sử dụng bởi Bryan, Cecchetti và Wiggins trong nghiên cứu CPI/PPI của họ.

bình quân thu gọn và tỷ lệ lạm phát cơ bản thực sự được ủy nhiệm hóa ra là đáng kể. Sự loại bỏ tối ưu làm giảm mạnh 25% thành phần đầu tiên và 21% thành phần cuối cùng. Tức là, từ số liệu mỗi tháng, chúng ta loại 25% các mặt hàng chi tiêu có giá tăng mạnh nhất và 21% có giá giảm mạnh nhất. Tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn được tính bằng bình quân gia quyền của các thành phần chi tiêu còn lại, tức là 54% ở giữa. Lưu ý rằng tập hợp các hàng hóa và dịch vụ được loại mỗi tháng những mặt hàng được bổ sung lên tới tận 46% của chi tiêu phải bao gồm nhiều hơn so với chỉ số lượng thực và năng lượng, cái mà chiếm chỉ khoảng 20% của PCE.

cách nghiêm ngặt. Đây là một đặc trưng của số liệu lạm phát cái mà Bryan và Cecchetti (1994) làm nổi bật trong nghiên cứu của họ về CPI và điều này cũng đúng với PCE. Đó thị 2 thể hiện tỷ lệ lạm phát tháng đối với "các bữa ăn được mua khác" thành phần của PCE, cũng với những điểm loại bỏ phía trên và phía dưới cho bình quân thu gọn một cách tối ưu, từ năm 1990 qua năm 2004. Những chỗ "tia" có nghĩa như sau: Trong mỗi tháng, các mặt hàng có giá tăng nhiều hơn điểm "tia" trên cũng như giảm xuống bé hơn điểm "tia" dưới trong đó thị bị loại khỏi bình quân thu gọn tối ưu tháng đó. Chỉ có một số tháng trong suốt khoảng thời gian 14 năm này có khoản mục "các bữa ăn được mua" được loại trừ từ bình quân thu gọn tối ưu. Các mặt hàng lương thực loại này là các đại diện trong "các mặt hàng thường ít được loại trừ khỏi bình quân thu gọn tối ưu". Bảng 3 trình bày "top" 20 mặt hàng thường ít được loại trừ trong giai đoạn mẫu 1977-2004. Các mặt hàng lương thực thực tế chiếm tới 5 trong 10 điểm đầu tiên, với "các bữa ăn được mua khác" đứng đầu. Nó được loại chỉ 13 lần trong mẫu thời gian 335 tháng. Khoản mục chi phối khác trong danh sách thường ít bị loại đó là nhà ở, cái được thể hiện lên là rất biến động. Bảng 4 cho một danh sách tương ứng của gồm "top" 20 mặt hàng ít bị loại trừ. Những mặt hàng lương thực vẫn chiếm ưu thế ở đây, với rau tươi đứng đầu danh sách. Nhiên liệu, các dịch vụ tài chính và các mặt hàng đồ điện vẫn chiếm ưu thế.

Đồ thị 1: Lạm phát PCE thực tế và tỷ lệ lạm phát cơ bản được ủy nhiệm



Nguồn: Ban phân tích kinh tế và theo tính toán của Jim Dolmas
Lưu ý:

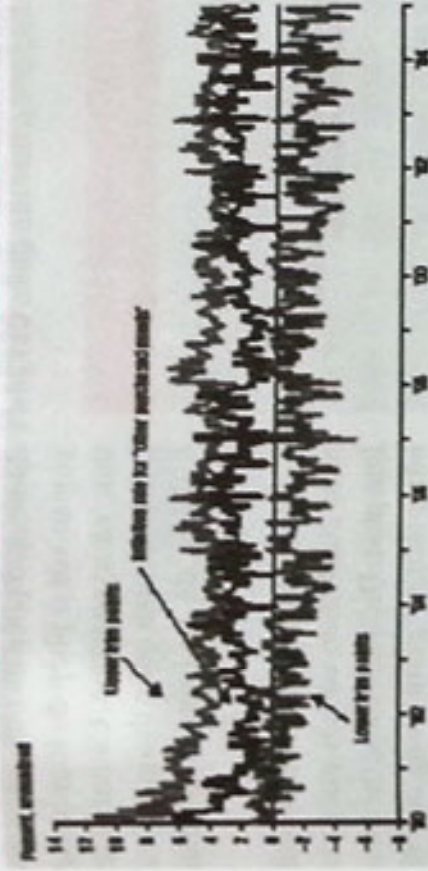
- + Actual monthly PCE inflation: lạm phát tháng thực tế tính theo PCE
- + Proxy for true core inflation: lạm phát được ủy nhiệm

Chúng ta coi lạm phát cơ bản thực sự (true core inflation) như một xu hướng bản chất bằng phẳng trong lạm phát thực tế (đồ thị 1). Đối với những số liệu từ 1979 đến 2002, việc loại bỏ một số mặt hàng giúp tối thiểu hóa khoảng cách giữa tỷ lệ lạm phát

● **Những hàng hóa nào nên được loại bỏ?**

Như đề xuất ở trên, một vài mặt hàng lương thực, như lương thực được mua và tiêu dùng bên ngoài hiếm khi được loại ra khi ta tiếp cận vấn đề loại bỏ một

Đồ thị 2: Lường thực mua dùng bên ngoài không bị loại



Nguồn: Ban phân tích kinh tế và theo tính toán của Jim Dolmas

Lưu ý:

- + Upper and lower trim points: Những điểm "tỉa" trên và điểm "tỉa" dưới
- + Inflation rate for "other purchased meals": tỷ lệ lạm phát đối với "các bữa ăn được mua khác"

Bảng 3: 20 nhóm mặt hàng thường ít bị loại ra nhất giai đoạn 1977-2004 Nhóm mặt hàng- Số tháng bị loại (trong số 335 tháng)

- Các bữa ăn được mua khác 13
- Nhà cố định chủ nhân đang sử dụng 16
- Chả bọc ở sông bạc 34
- Nhà cố định cho thuê 35
- Nhà di động cho thuê 40
- Các bữa ăn được mua ở trường tiểu học, trung học 41
- Các bữa ăn được mua: tại trường đại học 41
- Đồ ăn trang bị cho lính 41
- Đồ ăn trang bị cho bên dẫn sự 42
- Nhà tổ chức hội họp, sinh hoạt câu lạc bộ 50
- Phòng và bằng cho thuê nhóm 52
- Phòng trọ cho nhóm người là công nhân thuê 53
- Sửa chữa ô tô 54
- Nhà di động chủ nhân đang sử dụng 57
- Quần áo quần sự 87
- Các dịch vụ nội địa được thanh toán bằng tiền mặt 88
- Hoạt động gia đình 91
- Phúc lợi xã hội gồm chăm sóc trẻ em 94
- Chăm sóc y tế: các dịch vụ chuyên nghiệp khác 95
- Giặt là 96

Bảng 4: 20 nhóm mặt hàng thường hay bị loại ra nhất giai đoạn 1977-2004 Nhóm mặt hàng- Số tháng bị loại (trong số 335 tháng)

- Rau tươi 314
- Trứng 314
- Máy vi tính và thiết bị ngoại vi 311
- Lương thực được sản xuất và tiêu dùng ngay tại nông trang 304
- Dịch vụ hàng không 299
- Phí môi giới và tư vấn đầu tư 298
- Phần mềm 297
- Hoa quả tươi 296
- Dầu nhiên liệu được mua 294
- Xăng và các nhiên liệu chạy ô tô khác 286
- Nhiên liệu dùng cho nông trang 285
- Thẻ gia cầm 285
- Thiết bị video, truyền hình 285
- Phí bảo hiểm ô tô 284
- Ga bốt lông được mua và nhiên liệu khác 279
- Tivi 278
- Đồ gia dụng lưu bền: Hàng dệt may 275
- Đồ gia dụng có tuổi thọ trung bình 274
- Lái suất của NHFM 273
- Quần áo trẻ em 273

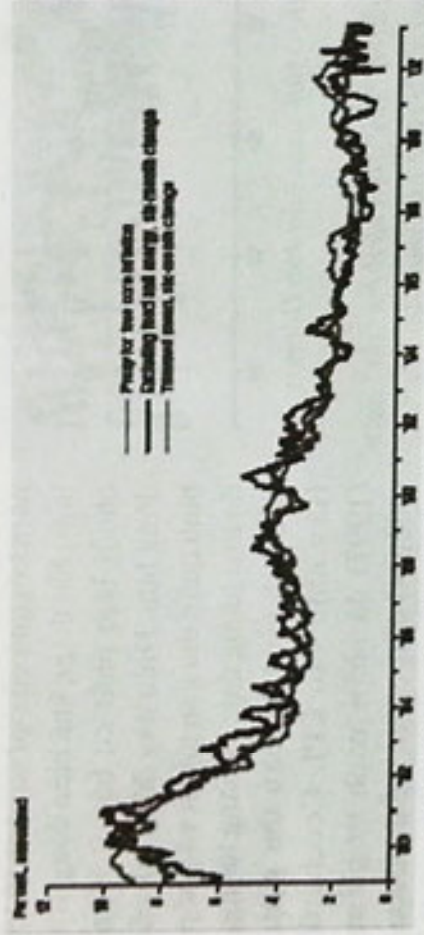
Nguồn: Ban phân tích kinh tế

- **Bình quân thu gọn biểu hiện tốt như thế nào?**
 Ngay khi Bryan, Cecchetti và những đồng tác giả khác có những phát hiện về CPI, với tư cách là một ước lượng của lạm phát cơ bản PCE, bình quân thu gọn tối ưu đã có những biểu hiện tốt hơn so với phép đo thông thường loại lương thực và năng

lượng. Trong chuỗi số liệu từ 1979 đến 2002, sự tăng thêm trong độ chính xác từ việc sử dụng bình quân thu gọn tối ưu so với phép đo loại lương thực và năng lượng là khoảng 0.77% / năm kết quả của sự so sánh tỷ lệ lạm phát tháng khác biến động với chuỗi lạm phát cơ bản ít biến động hơn. Điều này đúng với cả bình quân thu gọn tối ưu và phép đo loại lương thực và năng lượng, dấu ít hơn bình quân thu gọn. Hãy nhìn vào CPI, Cecchetti (1997) đã nhấn mạnh sự giảm nhiều bổ sung cái có thể đạt được bằng cách xem xét những tỷ lệ lạm phát thời gian dài hơn. Quan điểm của Cecchetti liên quan đến PCE là hợp lý. Hãy nhìn vào các tỷ lệ lạm phát 3, 6 hay 12 tháng cải thiện sự chính xác của cả phép đo bình quân thu gọn và phép đo loại trừ lương thực và năng lượng với tư cách là các phép đo lạm phát cơ bản. Đối với cả 2 phép đo, những thay đổi 6 tháng cho độ chính xác cao nhất khi đo lạm phát cơ bản. Trong khi thời gian dài hơn làm lợi phép đo loại trừ lương thực và năng lượng hơn là bình quân thu gọn, phép đo bình quân thu gọn vẫn là phép đo lạm phát cơ bản chính xác hơn. Đối với thời gian xem xét là 3 tháng, sự tăng thêm tương đối trong độ chính xác từ việc sử dụng bình quân thu gọn là khoảng 0.4%. Đối với các khoảng thời gian 6 tháng và 12 tháng, sự tăng thêm trong độ chính xác từ 0.23-0.25%, một sự chênh lệch đáng kể. Đồ thị 3 cho phép đối chiếu phép đo bình quân thu gọn với phép đo loại lương thực và năng lượng. Đồ thị

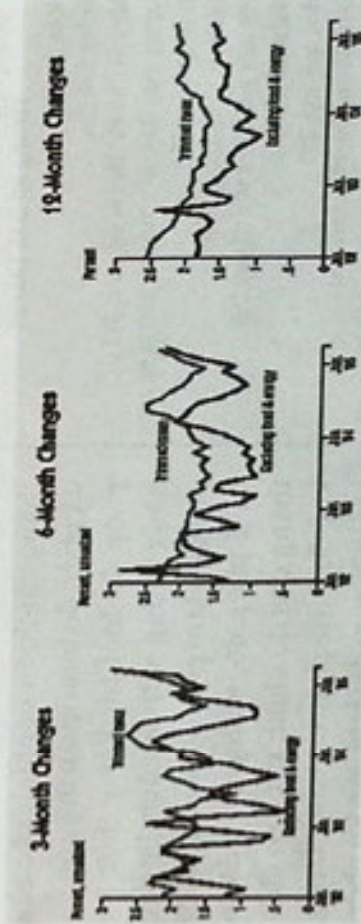
biểu diễn tỷ lệ lạm phát 6 tháng lượng giảm trong năm 2003, một bằng hai phép đo, so với lạm phát cơ bản được ủy nhiệm:

Đồ thị 3: So sánh các phép đo lạm phát cơ bản



Nguồn: Ban phân tích kinh tế và theo tính toán của Jim Dolmas

Đồ thị 4: Bình quân thu gọn và lạm phát PCE loại lương thực và năng lượng



Nguồn: Ban phân tích kinh tế và theo tính toán của Jim Dolmas

● Tỷ lệ lạm phát PCE bình quân thu gọn gần đây nói lên điều gì?

Đồ thị 4 thể hiện diễn biến gần đây của tỷ lệ lạm phát PCE bình quân thu gọn, cùng với tỷ lệ lạm phát loại lương thực và năng lượng trong 3 khoảng thời gian khác nhau. Và đây là một số điểm đáng chú ý:

+ Trong khi cả tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn và tỷ lệ lạm phát loại lương thực và năng

lượng giảm trong năm 2003, con số tìm ra bằng phép đo loại lương thực và năng lượng. Ví dụ: tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn 3 tháng giảm dưới 1% trong chỉ 1 tháng của năm 2003, so với 5 tháng đối với tỷ lệ lạm phát loại lương thực và năng lượng. Các con số thấp đối với tỷ lệ bình quân thu gọn 6 tháng và 12 tháng gần 1.5% hơn.

+ Cả hai tỷ lệ lạm phát bắt đầu tăng trong đầu năm 2004.

Tuy vậy, các con số cao đạt được vào giữa năm 2004 cao và ổn định hơn ở phép đo bình quân thu gọn so với ở phép đo loại lương thực và năng lượng. Cả hai tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn 3 và 6 tháng đã trải qua thời gian khoảng 2.5%.

+ Lạm phát giảm vào nửa cuối năm 2004 theo cả hai phép đo lạm phát. Điều này được thể hiện bằng một sự giảm trong các tỷ lệ lạm phát 3 và 6 tháng và một sự ổn định trong các tỷ lệ 12 tháng. Các tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn hạ xuống khoảng 1.5%, so với tỷ lệ lạm phát loại lương thực và năng lượng là khoảng 1%. Tương tự, tỷ lệ lạm phát bình quân thu gọn 12 tháng ổn định tại khoảng 2%, cao hơn tỷ lệ lạm phát 12 tháng loại lương thực và năng lượng 0.5%.

+ Trong khi các tỷ lệ lạm phát 12 tháng trong cả 2 phép đo có vẻ ổn định, các tỷ lệ 3 và 6 tháng thể hiện rằng lạm phát gia tăng từ nửa cuối năm 2004. Cả hai tỷ lệ đều cho thấy lạm phát cơ bản PCE hiện đang ở mức trên 2% ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carlos C. Bautista, *Core Inflation in the Philippines: measurement and evaluation*, www.up.edu.ph/~cba/bautista
2. Jim Dolmas, *Federal Reserve Bank of Dallas - Issue 3 May/June 2005: A fitter, trimmer core inflation measure*.
3. Przemyslaw Wozniak, *Center for Social and Economic Research: Core Inflation-Basic Conceptual Issues and the Polish Experience*.